

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số:
929/2015/UBTVQH13

NGHỊ QUYẾT
BAN HÀNH QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG TUYỂN CHỌN,
GIÁM SÁT THẨM PHÁN QUỐC GIA

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
NUỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật tổ chức Tòa án nhân dân số 62/2014/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2014/QH13 về việc thi hành Luật tổ chức Tòa án nhân dân;

Xét đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2015
TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH

Nguyễn Sinh Hùng

QUY CHẾ

Hoạt động của Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 929/2015/UBTVQH13 ngày 14 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định hoạt động của Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia (sau đây gọi là Hội đồng); trình tự, thủ tục xem xét, tuyển chọn để đề nghị bổ nhiệm; trình tự, thủ tục xem xét để đề nghị miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán; trình tự, thủ tục giám sát Thẩm phán; thẩm quyền giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển chọn để đề nghị bổ nhiệm, xem xét để đề nghị miễn nhiệm, cách chức và giám sát Thẩm phán.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng

1. Hội đồng hoạt động theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số.
2. Hội đồng phân công 01 Ủy viên để giúp Chủ tịch Hội đồng giải quyết công việc giữa các phiên họp của Hội đồng.
3. Khi thực hiện nhiệm vụ, Hội đồng sử dụng con dấu của Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 3. Thời gian thực hiện nhiệm vụ của Ủy viên Hội đồng

1. Ủy viên Hội đồng chấm dứt tư cách Ủy viên khi nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác khác hoặc do sức khỏe, vì lý do khác mà xét thấy không thể bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc bị bãi nhiệm.
2. Ủy viên Hội đồng có thể bị bãi nhiệm khi vi phạm phẩm chất đạo đức; vi phạm pháp luật, quy định về trách nhiệm của Ủy viên Hội đồng tại Quy chế này.

Căn cứ đề nghị của Hội đồng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đề nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội bãi nhiệm Ủy viên Hội đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng

1. Điều hành công việc của Hội đồng.
2. Chỉ đạo giải quyết công việc giữa các phiên họp của Hội đồng.
3. Triệu tập và chủ trì phiên họp của Hội đồng theo Quy chế này.
4. Giữ mối liên hệ thường xuyên với các Ủy viên của Hội đồng.
5. Quyết định về nội dung, thời gian tiến hành phiên họp của Hội đồng.
6. Hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán.

7. Thông báo về kết quả phê chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán với các Ủy viên Hội đồng vào phiên họp kế tiếp của Hội đồng.

8. Báo cáo hoạt động của Hội đồng với Quốc hội, Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Điều 5. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng

1. Hoạt động theo đúng quy định của Quy chế này và quy định của pháp luật; phải độc lập, khách quan, giữ bí mật công tác và chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng.

2. Tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng, thảo luận và biểu quyết những vấn đề thuộc nội dung phiên họp của Hội đồng. Trường hợp không thể tham dự phiên họp thì phải báo cáo lý do với Chủ tịch Hội đồng.

Điều 6. Phiên họp của Hội đồng

1. Hội đồng họp thường kỳ mỗi quý một lần. Hội đồng có thể tổ chức phiên họp chuyên đề hoặc bất thường theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng hoặc theo đề nghị của ít nhất 2/3 Ủy viên Hội đồng.

2. Phiên họp của Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng triệu tập. Phiên họp của Hội đồng phải có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng có mặt. Mọi quyết định của Hội đồng được thông qua tại phiên họp của Hội đồng và phải được quá nửa tổng số thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành, trừ trường hợp không tiến hành phiên họp theo quy định tại khoản 6 Điều này.

3. Phiên họp tuyển chọn để đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trình Quốc hội phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao phải được tiến hành chậm nhất 02 tháng trước ngày khai mạc kỳ họp của Quốc hội.

4. Tài liệu phiên họp thường kỳ của Hội đồng phải được gửi cho các thành viên chậm nhất là 07 ngày làm việc trước ngày tiến hành phiên họp.

5. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng có thể:

a) Mời đại diện cơ quan, đơn vị, tổ chức hữu quan tham dự phiên họp của Hội đồng và phát biểu ý kiến, nhưng không tham gia biểu quyết.

b) Yêu cầu người được xem xét, tuyển chọn để đề nghị bổ nhiệm; xem xét đề nghị miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán đến phiên họp để giải trình hoặc trả lời những câu hỏi của thành viên Hội đồng.

6. Hội đồng có thể không tiến hành phiên họp đối với trường hợp người được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền điều động đến để đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại khoản 6 Điều 68 của Luật tổ chức Tòa án nhân dân. Trong trường hợp này, Chủ tịch Hội đồng gửi văn bản kèm theo hồ sơ đến các thành viên của Hội đồng để lấy ý kiến bằng văn bản. Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo tổng hợp ý kiến các thành viên của Hội đồng, hoàn

thiện hồ sơ, đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trình Chủ tịch nước quyết định bổ nhiệm Thẩm phán cao cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp.

Điều 7. Chế độ báo cáo hoạt động của Hội đồng

1. Hàng năm, Hội đồng có trách nhiệm báo cáo hoạt động với Quốc hội, Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Báo cáo chuyên đề hoặc đột xuất theo yêu cầu của Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội về hoạt động tuyển chọn, giám sát Thẩm phán.

Điều 8. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo của Hội đồng

1. Hội đồng có thẩm quyền xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động của Hội đồng.

Chủ tịch Hội đồng giao Ban thư ký của Hội đồng quy định tại Điều 27 Quy chế này (sau đây gọi là Ban Thư ký) phối hợp với các đơn vị chức năng thuộc Tòa án nhân dân tối cao và các cơ quan, tổ chức có liên quan xác minh, làm rõ và báo cáo Hội đồng.

2. Khiếu nại, tố cáo không thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng theo quy định tại khoản 1 Điều này thì Hội đồng chuyển cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết có trách nhiệm thông báo kết quả giải quyết đến Hội đồng.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XEM XÉT TUYỂN CHỌN ĐỂ ĐỀ NGHỊ BỔ NHIỆM; TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XEM XÉT ĐỂ ĐỀ NGHỊ MIỄN NHIỆM, CÁCH CHỨC THẨM PHÁN

Mục 1

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XEM XÉT TUYỂN CHỌN ĐỂ ĐỀ NGHỊ BỔ NHIỆM THẨM PHÁN

Điều 9. Trình tự, thủ tục phiên họp xem xét tuyển chọn để đề nghị bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Trình tự, thủ tục phiên họp xem xét, tuyển chọn để đề nghị bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao được tiến hành như sau:

1. Chủ tịch Hội đồng khai mạc và chủ trì phiên họp.

2. Chủ tịch Hội đồng tự mình hoặc ủy quyền cho Ủy viên Hội đồng trình bày báo cáo hồ sơ của người được xem xét, tuyển chọn.

Việc xem xét tuyển chọn để đề nghị bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao được thực hiện đối với từng người theo thứ tự A,B,C...

3. Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao theo quy định của Luật tổ chức Tòa án nhân dân và hồ sơ của người được xem xét, tuyển chọn, các thành viên của Hội đồng phát biểu ý kiến, thảo luận.

Chủ tọa phiên họp có thể mời đại diện của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 5 Điều 6 Quy chế này phát biểu ý kiến hoặc trả lời những câu hỏi của thành viên Hội đồng.

4. Chủ tọa phiên họp kết luận; các thành viên của Hội đồng có mặt tại phiên họp tiến hành bỏ phiếu kín đối với từng người theo danh sách.

Trường hợp phát hiện hồ sơ của người được xem xét, tuyển chọn để đề nghị bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chưa đầy đủ, có vấn đề chưa rõ ràng hoặc có khiếu nại, tố cáo mà đa số các thành viên Hội đồng xét thấy cần thiết phải tiến hành bổ sung hoặc xác minh làm rõ thì Chủ tịch Hội đồng quyết định tạm dừng việc xem xét đối với người đó để tiến hành bổ sung hồ sơ hoặc xác minh làm rõ.

Điều 10. Hồ sơ trình Quốc hội phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Theo đề nghị của Hội đồng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trình Quốc hội phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Hồ sơ trình gồm có Tờ trình của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, biên bản phiên họp của Hội đồng, Nghị quyết phiên họp của Hội đồng, hồ sơ cá nhân của người được xem xét, tuyển chọn để đề nghị bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và các tài liệu liên quan khác.

Điều 11. Trình tự, thủ tục phiên họp xem xét, tuyển chọn để đề nghị bổ nhiệm Thẩm phán cao cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp

1. Chủ tịch Hội đồng khai mạc và chủ trì phiên họp.

2. Chủ tịch Hội đồng tự mình hoặc ủy quyền cho Ủy viên Hội đồng trình bày báo cáo hồ sơ của người được xem xét, tuyển chọn.

Việc xem xét tuyển chọn để đề nghị bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao được thực hiện đối với từng người theo thứ tự A,B,C...

3. Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Thẩm phán cao cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp theo quy định của Luật tổ chức Tòa án nhân dân và hồ sơ của người được xem xét, tuyển chọn, các thành viên của Hội đồng phát biểu ý kiến, thảo luận.

Chủ tọa phiên họp có thể mời đại diện của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 5 Điều 6 Quy chế này phát biểu ý kiến hoặc trả lời những câu hỏi của thành viên Hội đồng.

4. Chủ tọa phiên họp kết luận; các thành viên của Hội đồng có mặt tại phiên họp tiến hành bỏ phiếu kín đối với từng người theo danh sách.

Trường hợp phát hiện hồ sơ của người được xem xét, tuyển chọn để đề nghị bổ nhiệm Thẩm phán cao cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp chưa đầy đủ, có vấn đề chưa rõ ràng hoặc có khiếu nại, tố cáo mà đa số các thành viên Hội đồng xét thấy cần thiết phải tiến hành bổ sung hoặc xác minh làm rõ thì Chủ tịch Hội đồng quyết định tạm dừng việc xem xét đối với người đó để

tiến hành bổ sung hồ sơ hoặc xác minh làm rõ.

Điều 12. Hồ sơ trình Chủ tịch nước quyết định bổ nhiệm Thẩm phán cao cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp

Theo đề nghị của Hội đồng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trình Chủ tịch nước bổ nhiệm Thẩm phán cao cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp.

Hồ sơ trình gồm có Tờ trình của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, biên bản phiên họp của Hội đồng, Nghị quyết phiên họp của Hội đồng, hồ sơ cá nhân của người được xem xét, tuyển chọn để đề nghị bổ nhiệm Thẩm phán cao cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp và các tài liệu liên quan khác.

Điều 13. Hồ sơ cá nhân trình Hội đồng xem xét để đề nghị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Thẩm phán

1. Hồ sơ cá nhân trình Hội đồng để nghị xem xét để đề nghị bổ nhiệm Thẩm phán gồm có:

a) Đơn tình nguyện làm Thẩm phán;

b) Sơ yếu lý lịch (có dán ảnh 4x6) có xác nhận của cơ quan quản lý cán bộ theo mẫu do cơ quan có thẩm quyền quy định;

c) Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu do cơ quan có thẩm quyền quy định;

d) Các bản sao (có chứng thực hợp pháp) bằng tốt nghiệp đại học về chuyên ngành luật, chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ xét xử, chứng chỉ trúng tuyển kỳ thi tuyển chọn vào ngạch Thẩm phán tương ứng; các văn bằng, chứng chỉ về trình độ lý luận chính trị, quản lý nhà nước và các văn bằng, chứng chỉ khác liên quan đến việc tuyển chọn, bổ nhiệm Thẩm phán (nếu có);

đ) Bản tự kiểm điểm của người được đề nghị tuyển chọn và bổ nhiệm làm Thẩm phán theo mẫu do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định;

e) Bản nhận xét, đánh giá của thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức về quá trình công tác, năng lực chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất chính trị và đạo đức, lối sống của người được đề nghị tuyển chọn, bổ nhiệm làm Thẩm phán;

g) Biên bản và kết quả phiếu lấy ý kiến của cơ quan, đơn vị, tổ chức đối với người được giới thiệu để nghị tuyển chọn, bổ nhiệm làm Thẩm phán.

2. Đối với người được tuyển chọn để đề nghị bổ nhiệm làm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao theo quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật tổ chức Tòa án nhân dân thì hồ sơ gồm các tài liệu quy định tại các điểm a, b, c, e và g khoản 1 Điều này và các văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn đối với lĩnh vực đang công tác.

3. Hồ sơ cá nhân trình Hội đồng xem xét để đề nghị bổ nhiệm lại Thẩm phán gồm có các tài liệu quy định tại các điểm c, đ, e và g khoản 1 Điều này và sơ yếu lý lịch (bổ sung).

Mục 2

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XEM XÉT ĐỀ ĐỀ NGHỊ MIỄN NHIỆM, CÁCH CHỨC THẨM PHÁN

Điều 14. Trình tự, thủ tục phiên họp xem xét đề đề nghị miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Trình tự, thủ tục phiên họp xem xét đề đề nghị miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao được tiến hành như sau:

1. Chủ tịch Hội đồng khai mạc và chủ trì phiên họp.

2. Chủ tịch Hội đồng tự mình hoặc ủy quyền cho Ủy viên Hội đồng trình bày văn bản của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đề nghị xem xét miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

3. Căn cứ quy định của Luật tổ chức Tòa án nhân dân về miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán và hồ sơ của người bị xem xét đề đề nghị miễn nhiệm, cách chức, các thành viên của Hội đồng phát biểu ý kiến, thảo luận.

Chủ tọa phiên họp có thể mời đại diện của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 5 Điều 6 Quy chế này phát biểu ý kiến hoặc giải trình những câu hỏi của thành viên Hội đồng.

4. Chủ tịch Hội đồng kết luận; các thành viên của Hội đồng có mặt tại phiên họp tiến hành bỏ phiếu kín.

Trường hợp phát hiện hồ sơ của người bị xem xét miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chưa đầy đủ, có vấn đề chưa rõ ràng hoặc có khiếu nại, tố cáo mà đa số các thành viên Hội đồng thấy cần thiết phải tiến hành bổ sung hoặc xác minh làm rõ thì Chủ tịch Hội đồng quyết định tạm dừng việc xem xét đối với người đó để tiến hành bổ sung hồ sơ hoặc xác minh làm rõ.

Điều 15. Hồ sơ trình Quốc hội phê chuẩn đề nghị miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Theo đề nghị của Hội đồng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trình Quốc hội phê chuẩn đề nghị miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Hồ sơ trình gồm có Tờ trình của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, biên bản phiên họp của Hội đồng, Nghị quyết phiên họp của Hội đồng, hồ sơ cá nhân của người bị xem xét miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và các tài liệu liên quan khác.

Điều 16. Trình tự, thủ tục phiên họp xem xét đề đề nghị miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán cao cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp

1. Chủ tịch Hội đồng khai mạc và chủ trì phiên họp.

2. Chủ tịch Hội đồng tự mình hoặc ủy quyền cho Ủy viên Hội đồng trình bày Tờ trình của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đề nghị xem xét miễn nhiệm,

cách chức Thẩm phán cao cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp.

3. Căn cứ quy định của Luật tổ chức Tòa án nhân dân về miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán và hồ sơ của người bị xem xét để đề nghị miễn nhiệm, cách chức, các thành viên của Hội đồng phát biểu ý kiến, thảo luận.

Chủ tọa phiên họp có thể mời đại diện của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 5 Điều 6 Quy chế này phát biểu ý kiến hoặc giải trình những câu hỏi của thành viên Hội đồng.

4. Chủ tịch Hội đồng kết luận; các thành viên của Hội đồng có mặt tại phiên họp tiến hành bỏ phiếu kín.

Trường hợp phát hiện hồ sơ của người bị xem xét miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán cao cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp chưa đầy đủ, có vấn đề chưa rõ ràng hoặc có khiếu nại, tố cáo mà đa số các thành viên Hội đồng xét thấy cần thiết phải tiến hành bổ sung hoặc xác minh làm rõ thì Chủ tịch Hội đồng quyết định tạm dừng việc xem xét đối với người đó để tiến hành bổ sung hồ sơ hoặc xác minh làm rõ.

Điều 17. Hồ sơ trình Chủ tịch nước quyết định miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán cao cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp

Theo đề nghị của Hội đồng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trình Chủ tịch nước miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán cao cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp.

Hồ sơ trình gồm có Tờ trình của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, biên bản phiên họp của Hội đồng, Nghị quyết phiên họp của Hội đồng, hồ sơ cá nhân của người bị đề nghị xem xét miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán cao cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp và các tài liệu liên quan khác.

Điều 18. Hồ sơ cá nhân trình Hội đồng đề nghị xem xét miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán

1. Hồ sơ cá nhân trình Hội đồng đề nghị xem xét miễn nhiệm Thẩm phán gồm:

a) Đơn xin miễn nhiệm Thẩm phán, trong đó nêu rõ lý do của việc xin miễn nhiệm Thẩm phán;

b) Giấy xác nhận về tình trạng sức khỏe, bệnh tật do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp; giấy xác nhận hoàn cảnh gia đình hoặc các tài liệu khác chứng minh lý do xin miễn nhiệm Thẩm phán (nếu có);

c) Ý kiến bằng văn bản của Chánh án Tòa án nơi Thẩm phán công tác về tình trạng sức khỏe, bệnh tật, hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do khác của Thẩm phán mà xét thấy không thể bảo đảm hoàn thành được nhiệm vụ được giao.

2. Hồ sơ cá nhân trình Hội đồng đề nghị xem xét cách chức Thẩm phán gồm:

a) Biên bản tự kiểm điểm của Thẩm phán về hành vi quy định tại Điều 82 Luật tổ chức Tòa án nhân dân. Trường hợp Thẩm phán không làm bản kiểm

điểm thì hồ sơ phải có báo cáo bằng văn bản của Chánh án Tòa án nơi Thẩm phán đó công tác;

b) Biên bản họp xét kỷ luật đối với Thẩm phán có hành vi vi phạm kỷ luật của Hội đồng kỷ luật;

c) Các tài liệu chứng minh hành vi vi phạm của Thẩm phán (nếu có);

d) Quyết định kỷ luật của người hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với Thẩm phán (nếu có).

3. Đối với Thẩm phán đương nhiên được miễn nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 81 hoặc đương nhiên bị cách chức theo quy định tại khoản 1 Điều 82 Luật tổ chức Tòa án nhân dân thì không phải lập hồ sơ đề nghị Hội đồng xem xét. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm báo cáo Quốc hội, Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội về trường hợp Thẩm phán đương nhiên được miễn nhiệm, bị cách chức.

Chương III

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT THẨM PHÁN

Điều 19. Đối tượng chịu sự giám sát

Hội đồng thực hiện giám sát đối với Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán cao cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp.

Điều 20. Nội dung giám sát Thẩm phán

1. Việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán theo quy định của Luật tổ chức Tòa án nhân dân và các luật có liên quan.

2. Đạo đức nghề nghiệp, quy tắc ứng xử, lối sống của Thẩm phán.

3. Việc thực hiện trách nhiệm của Thẩm phán theo quy định tại Điều 76 Luật tổ chức Tòa án nhân dân; việc thực hiện những điều Thẩm phán không được làm theo quy định tại Điều 77 Luật tổ chức Tòa án nhân dân.

4. Việc thực hiện các quy định của pháp luật về minh bạch tài sản, thu nhập; về phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Điều 21. Chương trình giám sát của Hội đồng

1. Hội đồng quyết định chương trình giám sát định kỳ hàng quý, hàng năm, giám sát đột xuất theo đề nghị của thành viên Hội đồng hoặc theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

Căn cứ chương trình giám sát đã được thông qua, Hội đồng thông báo cho Tòa án, cơ quan, tổ chức có liên quan biết.

Hội đồng phân công thành viên Hội đồng thực hiện các nội dung trong chương trình và báo cáo kết quả với Hội đồng.

2. Ban thư ký giúp Hội đồng xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện chương trình giám sát.

Điều 22. Các hoạt động giám sát của Hội đồng

1. Xem xét báo cáo của Thẩm phán về những nội dung có liên quan theo yêu cầu của Đoàn giám sát.
2. Xem xét báo cáo của Chánh án Tòa án nhân dân nơi Thẩm phán công tác.
3. Yêu cầu người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với Thẩm phán cung cấp tài liệu về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo.
4. Tổ chức Đoàn giám sát.

Điều 23. Xem xét các báo cáo

1. Hội đồng yêu cầu Thẩm phán báo cáo về những nội dung theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

Trường hợp cần thiết, Hội đồng có thể phân công thành viên Hội đồng xác minh làm rõ những nội dung trong báo cáo của Thẩm phán; yêu cầu Chánh án Tòa án nơi Thẩm phán công tác báo cáo.

2. Hội đồng xem xét báo cáo của Thẩm phán theo trình tự sau đây:

a) Ban Thư ký trình bày các báo cáo, ý kiến hoặc kết luận của cơ quan có thẩm quyền về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với Thẩm phán (nếu có);

Trường hợp cần thiết, Hội đồng có thể yêu cầu Thẩm phán, mời Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi có Thẩm phán công tác, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao hoặc đại diện lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao đến trình bày ý kiến.

b) Thành viên Hội đồng được phân công xác minh trình bày báo cáo;

c) Đại diện cơ quan, tổ chức được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;

c) Thành viên Hội đồng phát biểu ý kiến, thảo luận.

d) Chủ tịch Hội đồng kết luận; các thành viên của Hội đồng có mặt tại phiên họp tiến hành bỏ phiếu kín.

Điều 24. Tổ chức Đoàn giám sát

1. Căn cứ vào chương trình giám sát hoặc theo yêu cầu của thành viên Hội đồng hoặc theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền, Hội đồng quyết định thành lập Đoàn giám sát.

2. Nghị quyết của Hội đồng về việc thành lập Đoàn giám sát phải xác định rõ nội dung, kế hoạch giám sát, thành phần Đoàn giám sát và Thẩm phán chịu sự giám sát.

3. Nội dung, kế hoạch giám sát của Đoàn giám sát được thông báo cho Thẩm phán chịu sự giám sát, Tòa án có liên quan chậm nhất là 15 ngày, trước ngày Đoàn giám sát bắt đầu tiến hành giám sát.

4. Đoàn giám sát có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát trong nghị quyết về việc thành lập Đoàn giám sát;
- b) Yêu cầu Thẩm phán chịu sự giám sát, Tòa án có liên quan báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát, giải trình những vấn đề mà Đoàn giám sát quan tâm;
- c) Xem xét, xác minh những vấn đề mà Đoàn giám sát thấy cần thiết;
- d) Khi phát hiện Thẩm phán có hành vi vi phạm pháp luật thì Đoàn giám sát có quyền đề nghị cơ quan, tổ chức hữu quan xem xét, xử lý theo quy định pháp luật. Cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm thông báo kết quả giải quyết đến Hội đồng.
- đ) Chậm nhất là mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, Đoàn giám sát phải có báo cáo kết quả giám sát gửi Hội đồng xem xét, quyết định.

Điều 25. Xem xét báo cáo của Đoàn giám sát

Hội đồng xem xét báo cáo của Đoàn giám sát theo trình tự sau đây:

1. Trưởng Đoàn giám sát trình bày báo cáo;
2. Đại diện cơ quan, tổ chức được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;
3. Hội đồng thảo luận.

Trong quá trình thảo luận, đại diện Đoàn giám sát có thể trình bày bổ sung những vấn đề có liên quan;

4. Hội đồng ra nghị quyết về nội dung được giám sát. Nghị quyết này được gửi tới Thẩm phán chịu sự giám sát, Chánh án Tòa án nơi Thẩm phán công tác và cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 26. Thẩm quyền của Hội đồng trong việc xem xét kết quả giám sát

Căn cứ kết quả giám sát, Hội đồng có các quyền sau đây:

1. Trường hợp Thẩm phán có hành vi vi phạm pháp luật nhưng chưa có kết luận xử lý của cơ quan có thẩm quyền thì Hội đồng yêu cầu Chánh án nơi Thẩm phán công tác tiến hành kiểm điểm làm rõ hành vi, mức độ vi phạm của Thẩm phán, xử lý theo quy định của pháp luật và báo cáo Hội đồng;

Đối với Thẩm phán có hành vi vi phạm pháp luật và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, Hội đồng đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định các hình thức kỷ luật theo quy định.

2. Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến quyền, lợi ích của Thẩm phán, Hội đồng kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền áp dụng các biện pháp để bảo vệ Thẩm phán;

3. Kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền tôn vinh, khen thưởng Thẩm phán theo quy định của pháp luật.

Chương IV

BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG

Điều 27. Ban thư ký của Hội đồng

1. Ban thư ký của Hội đồng là bộ phận giúp việc của Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng quyết định thành lập và quy định về nhiệm vụ, chế độ làm việc.

2. Ban thư ký gồm Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ Tòa án nhân dân tối cao là Trưởng ban và các thành viên là một số cán bộ, công chức của Vụ Tổ chức - Cán bộ, Ban Thanh tra Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án quân sự trung ương một số đơn vị khác của Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 28. Kinh phí hoạt động của Hội đồng

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng do ngân sách Nhà nước bảo đảm, là một mục chi trong dự toán ngân sách hoạt động của Tòa án nhân dân. Tòa án nhân dân tối cao chịu trách nhiệm quản lý và thực hiện kinh phí hoạt động của Hội đồng.

2. Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo thực hiện và chịu trách nhiệm về việc sử dụng kinh phí hoạt động của Hội đồng theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Chế độ, chính sách của các thành viên Hội đồng, Ban thư ký

Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, thành viên Hội đồng, Ban thư ký được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan

1. Các cơ quan, tổ chức có thành viên tham gia Hội đồng có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để thành viên hoàn thành nhiệm vụ.

2. Các cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Hội đồng thi hành Quy chế này.

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2015
TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH

Nguyễn Sinh Hùng